

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 50/2017/ HSST
Ngày 21 /9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trình
2. Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2017/HSST ngày 07 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/HSST-QĐ ngày 11 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

1. LÊ DUY H; sinh ngày 10/02/1989; nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh H; chỗ ở: Không có chỗ ở ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Lê Duy K và bà Bùi Thị L (đã chết); tiền án: Ngày 25/6/2014, tại Bản án số 18/2014/HSST, bị TAND quận Ngũ Hành Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ra tù ngày 19/01/2015, Ngày 27/4/2015, tại Bản án số 11/2015/HSST, bị TAND quận Ngũ Hành Sơn xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Ngày 05/8/2016, tại Quyết định số 20/2016/QĐ-TA, bị TAND quận Ngũ Hành Sơn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào sơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng. Chấp hành xong ngày 15/3/2017.

Bị cáo bắt tạm giam từ ngày 22/5/2017. Có mặt.

2. NGUYỄN ĐÌNH C, sinh ngày 03/6/1993; nơi ĐKKHKT: K37/3 đường V, Q, T, Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; Con ông: không rõ; con bà: Nguyễn Thị B, ; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/9/2011, tại Bản án số 202/2011/HSPT, bị TAND TP. Đà Nẵng xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Ra tù ngày 25/4/2015.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/5/2017. Có mặt.

***Những người tham gia tố tụng khác:**

- **Người bị hại:** Bà Lê Thị L, sinh năm: 1994. Trú tại: Thôn Y, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Nam – vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông T, sinh năm: 1977. Trú tại: Tổ 95, phường B, quận T, Tp. Đà Nẵng – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đề có tiền tiêu xài cá nhân, khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 15/5/2017, Lê Duy H đi bộ dạo quanh khu vực gần siêu thị điện máy Chợ Lớn thuộc phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, tìm người sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến dãy nhà trọ thuộc tổ 161, phường T, quận C, phát hiện phòng trọ của chị Lê Thị L đang mở cửa, không có người trông coi, H lẻn vào trong phòng lục lọi nhưng không tìm được tài sản gì. Tiếp tục quan sát, H phát hiện chiếc xe mô-tô nhãn hiệu Yamaha Grande biển kiểm soát 92N1- 275.91 trị giá 37.791.000đồng của chị L đang dựng trước phòng trọ, H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy nói trên. Quay vào phòng trọ tìm được chìa khoá xe đang để trên đầu tủ lạnh, H mở khoá, dắt xe ra ngoài đường, khởi động máy và điều khiển xe tẩu thoát. Trên đường đi, H dừng lại, mở cốp xe kiểm tra và lấy đi số tiền 1.000.000đồng, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe mô-tô và 01 bảo hiểm xe máy mang tên Lê Thị L, rồi vứt lại túi xách da màu đen trị giá 56.000đồng cùng một số giấy tờ khác. Do H không xác định được địa điểm vứt nên không thu hồi được. Sau đó, H điều khiển chiếc xe nói trên đến khu chung cư sau chợ Nại Hiên Đông cất giấu tại đây.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, H đến quán cà phê Play tại số 03 Ung Văn Khiêm, quận Ngũ Hành Sơn gặp Dương Văn Thanh (chưa xác định được lai lịch) hỏi bán chiếc xe vừa trộm được nhưng Thanh không mua. Lúc này, Nguyễn Đình C đến và cùng ngồi nói chuyện với H và Thanh. Tại đây, sau khi Thanh về, H nhờ C bán giúp chiếc xe trên với giá khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng và hứa nếu bán được sẽ cho C từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng, đồng thời đưa chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe mô-tô và bảo hiểm xe máy mang tên Lê Thị L cho C xem. C đồng ý và bảo H chở đến nơi cất giấu xe. Trên đường đi, C hỏi H xe ở đâu mà có, H trả lời xe của bạn H trộm được. Khi đến chung cư sau chợ Nại Hiên Đông, H dắt xe Yamaha Grande biển kiểm soát 92N1- 275.91 ra cho C điều khiển còn H điều khiển xe Sirius của C đến gửi tại nhà người bà con của C. Sau đó, C tiếp tục điều khiển xe Yamaha Grande 92N1- 275.91 chở H đến quán cà phê ngồi đợi còn C một mình đem chiếc xe này đến tiệm cầm đồ Thành Đạt do anh Hồ Thành làm chủ, cầm cố lấy số tiền 18.000.000 đồng. Ngày 16/5/2017, H gọi điện cho C hỏi, C nói chỉ cầm xe được 6.500.000đồng, H đồng ý lấy 5.000.000đồng, còn lại cho C. Số tiền 5.000.000đồng C đưa, H đã tiêu xài cá nhân hết. Số tiền cầm xe còn lại 13.000.000đồng, C mua cho mình 01 sợi dây chuyền trị giá 2.800.000đồng,

tiêu xài cá nhân hết 4.300.000đồng. Ngày 21/5/2017, C đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra sợi dây chuyền nói trên, số tiền 5.900.000đồng còn lại và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu xám trắng.

Bản cáo trạng số 46/KSĐT ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ truy tố:

- Bị cáo **LÊ DUY H** về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo **NGUYỄN ĐÌNH C** về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với bị cáo Lê Duy H: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ Luật hình sự. Xử phạt: Từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Đối với bị cáo Nguyễn Đình C: Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ Luật hình sự. Xử phạt: Từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo Lê Duy H: Bị cáo thấy sai trái về hành vi phạm tội xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Nguyễn Đình C: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt bị cáo nhận thấy hối hận về hành vi của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Cẩm Lệ - thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ - thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Duy H và Nguyễn Đình C khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đối chiếu với lời khai nhận tội của các bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của người bị hại và các chứng cứ khách quan khác có tại hồ sơ vụ án là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 15/5/2017, tại phòng trọ thuộc tổ 161, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, Lê Duy H đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô-tô nhãn hiệu Yamaha Grande biển kiểm soát 92N1- 275.91, số tiền 1.000.000đồng, 01 túi xách, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe mô-tô và 01 bảo hiểm xe máy của chị Lê Thị L. Tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt là **38.847.000 đồng** (*Ba mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*). Do đó, hành vi của bị cáo Lê Duy H đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo có 02 tiền án nên lần phạm tội này, hành vi của bị cáo thuộc tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự;

Đối với Nguyễn Đình C, mặc dù biết rõ chiếc xe mô-tô nhãn hiệu Yamaha Grande biển kiểm soát 92N1- 275.91 nói trên là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn giúp H cầm cố lấy số tiền 18.000.000đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đình C đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 250 Bộ luật hình sự. Căn cứ khoản 7 Điều 2 Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-NDTC ngày 30/11/2011 hướng dẫn như sau: “7. *Thu lợi bất chính lớn quy định tại điểm d khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự là thu lợi bất chính từ mười triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng*”. So sánh, đối chiếu với quy định giữa điểm d khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và điểm d khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 thì quy định tại điểm d khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 là quy định có lợi cho người phạm tội. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, không áp dụng điểm d khoản 2 Điều 250 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 mà áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự để xử lý đối với bị cáo Nguyễn Đình C.

Khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đã truy tố với tội danh và điều khoản nêu trên cũng như quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, bị cáo H đã phạm tội trộm cắp tài sản thuộc trường hợp tái phạm vừa chấp hành xong hình phạt tù và biện pháp cai nghiện bắt buộc; bị cáo C vừa được xóa án tích về tội Cướp tài sản. Lẽ ra các bị cáo phải lấy đó làm bài học chăm lo làm ăn lương thiện, sống có ích cho xã hội nhưng trái lại bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của bị cáo không

những xâm hại trực tiếp quyền sở hữu tài sản mà còn làm mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần xử lý nghiêm.

Xét, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải và các bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, bị cáo H mẹ mất sớm nên từ nhỏ đã phải sống trong cô nhi viện, bị cáo C không rõ cha và từ nhỏ phải sống với ông bà ngoại. Với các tình tiết trên, HĐXX xem xét giảm nhẹ cho mỗi bị cáo một phần hình phạt là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Chiếc xe Yamaha Grande biển kiểm soát 92N1- 275.91, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe mô-tô và 01 bảo hiểm xe máy mang tên Lê Thị L, Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho chị Lê Thị L. Chị L không yêu cầu bồi thường gì thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 sợi dây chuyền trị giá 2.800.000đồng và số tiền 5.900.000đồng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Hồ T. Anh T yêu cầu H và C tiếp tục bồi thường số tiền 9.300.000đồng. Hội đồng xét xử buộc Lê Duy H và Nguyễn Đình C liên đới bồi thường trên số tiền các bị cáo được hưởng: Bị cáo H có nghĩa vụ bồi thường số tiền là 5.000.000 đồng, bị cáo C có nghĩa vụ bồi thường số tiền là 4.300.000 đồng.

[5] Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu xám trắng là tài sản của Nguyễn Đình C, không liên quan đến vụ án, tuy nhiên, xét thấy cần quy trữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Anh Hồ T khi nhận cầm cố chiếc xe Yamaha Grande biển kiểm soát 92N1- 275.91, không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Thành về hành vi nhận cầm cố xe không chính chủ theo Nghị định 167/2013 ngày 12/11/2013 của Chính phủ là có cơ sở.

Đối với người có tên Dương Văn Thanh, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được lai lịch. Do đó, tách ra, tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Ngoài ra, quá trình điều tra, Lê Duy H khai nhận còn thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn TP. Đà Nẵng, Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ đã thông báo và tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được bị hại, do đó tách ra để xử lý sau.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Duy H** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và bị cáo **Nguyễn Đình C** phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Bị cáo **Lê Duy H** 03(Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/5/2017.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, khoản 3 Điều 7 Bộ Luật hình sự 2015, Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đình C** 15(Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/5/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo liên đới bồi thường trên số tiền các bị cáo được hưởng cho ông Hồ T tổng số tiền 9.300.000 đồng (*Chín triệu ba trăm ngàn đồng*), trong đó: Lê Duy H có nghĩa vụ bồi thường số tiền là 5.000.000 đồng, Nguyễn Đình C có nghĩa vụ bồi thường số tiền là 4.300.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì hàng tháng người bị thi hành án phải chịu tiền lãi theo mức lãi xuất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quy trừ chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu xám trắng là tài sản của Nguyễn Đình C để đảm bảo thi hành án.

(*Hiện tạm giữ tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/8/2017 tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng*).

Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng.

- Án phí dân sự: Mỗi bị cáo phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt có quyền kháng cáo với thời hạn trên kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TANDtp Đà Nẵng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Công an quận Cẩm Lệ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Dung